

Số: **445/2020/QĐST-HNGĐ**

Long Biên, ngày 19 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN & SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **270/2020/TLST-HNGĐ** ngày 02/6/2020 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị T** - sinh năm 1976

HKTT: Tổ 5 (Tổ 7 cũ), phường CK, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bi đơn: Ông **Nguyễn Đăng H** - sinh năm 1974

Trú tại: Tổ 5 (Tổ 7 cũ), phường CK, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/8/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Đăng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số **36**, quyển số 01 ngày 21/11/1997 do UBND xã CK, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (Nay là phường CK, quận Long Biên, thành phố Hà Nội) cấp cho bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Đăng H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Xác định bà T và ông H có 02 con chung là **Nguyễn Đăng Huy H** - sinh năm 1999 (Nam) đã thành niên và **Nguyễn Tú A** – sinh ngày 13/3/2005 (Nữ). Sau khi ly hôn, bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú A. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tú A đối với ông H cho đến khi cháu Tú A thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông H có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà T tự nguyện chịu cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0016308** ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay bà T được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường CK,
quận Long Biên, TP Hà Nội
(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền